

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 743/2019/HC-PT

Ngày 18 - 10 - 2019

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý nhà nước trong
lĩnh vực đất đai thuộc trường
hợp trường hợp bồi thường, hỗ
trợ giải phóng mặt bằng, tái
định cư*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên.

Ông Vũ Ngọc Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 359/2019/TLPT-HC ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp trường hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 379/2019/HCST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1672/2019/QĐPT-HC ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1951 (có mặt).

Địa chỉ: 225 LTB, phường PHT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Ngô Viết Th – Văn phòng Luật sư Bùi Nguyễn thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Người bị kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 2/304 XLHN, phường HP, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn Th1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 3779/UBND ngày 22/11/2017- có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9:

- Ông Nguyễn Văn Đ – Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9 (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Thanh Ph – Phó Trưởng phòng nghiệp vụ 1 – Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9 (có mặt).

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: 86 LTT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 2/304 XLHN, phường Hiệp Phước, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn Th1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 769/UBND ngày 25/3/2019- có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2/ Ông Phạm Phú S, sinh năm 1976 (vắng mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị Diễm Tr, sinh năm 1985 (vắng mặt)

4/ Bà Nguyễn Thái Kim H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

5/ Trẻ Phạm Phú Q, sinh năm 2010.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phú S, sinh năm 1976 (vắng mặt)

6/ Trẻ Phạm Thành Nh, sinh năm 2011.

Cùng địa chỉ: 225 LTH, phường PHT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phú S, sinh năm 1976 (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện, bà Nguyễn Thị Tuyết M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, người khởi bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Ngày 12/01/2009, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 169/QĐ-UBND (Quyết định số 169) thu hồi 102m² đất của hộ bà M, thuộc thửa 44, tờ bản đồ số 32, tại phường PL A, Quận 9 để thực hiện dự án đầu tư mở rộng XLHN. Ngày 01/3/2010, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 49/QĐ-UBND (Quyết định số 49) về điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 169, thu hồi 95,8m² đất của hộ bà M. Ngày 04/10/2011, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 1940/QĐ-UBND (Quyết định số 1940) về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà M. Ngày 27/4/2012, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 84/QĐ-UBND (Quyết định số 84) về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1940. Không đồng ý với Quyết định số 49, bà M khiếu nại. Ngày 18/9/2012, Chủ tịch UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 253/QĐ-UBND (Quyết định số 253), có nội dung: Không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà M, giữ nguyên Quyết định số 49. Ngày 26/9/2012, Chủ tịch UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 259/QĐ-UBND (Quyết định số 259), có nội dung: Thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 84, giữ nguyên Quyết định số 1940. Ngày 19/11/2012, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5909/QĐ-UBND (Quyết định số 5909), có nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 259, không công nhận nội dung khiếu nại của bà M yêu cầu bồi thường phần đất đường đi có diện tích 47m².

Vì vậy, bà M yêu cầu hủy: Quyết định số 259; Quyết định số 5909 và buộc Chủ tịch UBND Quận 9 phải bồi thường thiệt hại do tổn thất về sức khỏe số tiền là 139.000.000 đồng. Nhưng bà M đã rút yêu cầu này tại phiên tòa sơ thẩm.

Lý do bà yêu cầu hủy những quyết định trên vì:

- UBND Quận 9 không đền bù đúng diện tích và vị trí đất bị thu hồi:

Mẹ bà (bà Nguyễn Thị M1) quản lý sử dụng đất từ trước giải phóng đến khi Nhà nước thu hồi. Theo sổ mục kê tài liệu Chỉ thị 229/TTg do UBND xã PL lập ngày 22/8/1984 và UBND huyện TĐ phê duyệt ngày 27/11/1984 có diện tích 1.315m², đất thổ, thửa số 176, tờ bản đồ số 8, xã PL, huyện TĐ. Năm 1999, bà M1 sang nhượng cho các hộ, gồm: Bà Nguyễn Thị Kim Ch, ông Phạm Ngọc C, ông Lê Văn T, ông Đinh Hồng L và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh1 (sau đó bà Nh1 chuyển nhượng lại cho bà Quảng Mộng Th2) và chia cho 02 chị em bà đất làm nhà ở. Để có đường ra XLHN, bà M1 đã mở lối đi nội bộ phía trước nhà của các hộ để các hộ chuyển nhượng đất, riêng hộ bà Th2 cạnh nhà có hẻm đi trực tiếp ra đường Nam Hoà.

Điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ/CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định: Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng. Theo Bản đồ địa chính Chỉ thị số 02/CT-UB phường PL A hiện trạng không có lối đi nội bộ ra đường XLHN. Theo Bản đồ tài liệu địa chính năm 2003, UBND Quận 9 đã dự kiến cập nhật lối đi nội bộ thành đường hẻm công cộng nhưng chưa có quyết định thu hồi đất và làm thủ tục theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/7/22007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về quy định lộ giới và quản lý đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn

thành phố. Do đó, không có tên hẻm và lộ giới hẻm trên Bản đồ địa chính Tài liệu 2003 phường PL A, Quận 9.

Tại thời điểm làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thì bà M đăng ký diện tích $149,8\text{m}^2$ nhưng UBND Quận 9 chỉ công nhận phần diện tích $102,8\text{m}^2$, còn phần diện tích 47m^2 (sân trước nhà) thì không được công nhận, với lý do: Là đường công cộng, là hẻm cụt dành cho các hộ dân đi vào nhà và đất của họ. Theo Văn bản số 9502/VPĐK-KTĐC ngày 10/12/2015 của Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố Hồ Chí Minh không có nội dung xác định phần đất diện tích 47m^2 là đường công cộng do Nhà nước quản lý. Căn cứ nội dung 02 đơn của ông Đinh Hồng L ngày 30/10/2015 và bà Quảng Mộng Th2 ngày 30/10/2015 thì ông L và bà Th2 xác nhận đi nhờ trên phần đất của bà M đề ra đường XLHN. Bà Th2 xác nhận có lối đi riêng ra đường NH nhưng vẫn đi nhờ trên phần đất của bà M ra XLHN để đi gần hơn. Việc UBND Quận 9 cho rằng Bản đồ địa chính phường PL A năm 2003 đã cập nhật lối đi nội bộ thành đường hẻm công cộng là không hợp lý.

- UBND Quận 9 bồi thường tài sản trên đất không đúng thực tế; Bồi thường không đúng đơn giá đất; Không hỗ trợ chi phí di chuyển, ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất: Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3072/04 do UBND Quận 9 cấp ngày 09/7/2004 thì tổng diện tích sử dụng $75,3\text{m}^2$, diện tích xây dựng $40,4\text{m}^2$; Kết cấu nhà: Tường gạch, sàn gỗ, mái tôn; Số tầng: 02. Nhưng thực tế chỉ đèn bù giá trị xây dựng nhà 01 tầng (nhà trệt gác gỗ) thay vì 02 tầng. Căn cứ Điều 6 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 28) về xác định hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì đất của bà bị thu hồi đất đủ điều kiện được bồi thường đất ở tại vị trí cách XLHN là 40 mét. Tại điểm b khoản 2 Điều 23 Quyết định số 28 thì hộ bà M được hỗ trợ chi phí di dời là 10.000.000 đồng/hộ. Tại Điều 29 Quyết định số 28, hộ bà được hỗ trợ ổn định đời sống là 500.000 đồng/nhân khẩu. Ngoài ra, UBND Quận 9 cũng không hỗ trợ thêm việc chấp hành tốt việc di dời theo điểm b khoản 1 Điều 32 Quyết định số 28, mức thưởng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt việc di dời là 15.000.000 đồng/lần.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 trình bày:

Gia đình bà M có diện tích nhà đất bị quy hoạch là $142,8\text{m}^2$ đất thuộc một phần thửa 176⁻¹ tờ bản đồ số 8 diện tích $95,8\text{m}^2$ tài liệu 02/CT-UB, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (thuộc 1 phần thửa 44 tờ bản đồ số 32, tài liệu 2003) và một phần đường tờ bản đồ 32 diện tích 47m^2 . UBND Quận 9 và Chủ tịch UBND Quận 9 ban hành các quyết định về thu hồi, bồi thường cho hộ bà M như bà M đã trình bày. Ngày 11/3/2009, Tổ công tác tiến hành kiểm kê đất đai, tài sản, hoa màu của hộ bà M, ghi nhận: thu hồi $142,8\text{m}^2$ gồm một phần thửa 176⁻¹ tờ bản đồ số 8 diện tích $95,8\text{m}^2$ tài liệu 02/CT-UB, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (thuộc 1 phần thửa 44 tờ bản đồ số 32, tài liệu 2003) và một phần đường tờ bản đồ 32 diện tích 47m^2 ; vị trí đất: hẻm đất cấp 1 vị trí 2, không mặt tiền XLHN; Nhà gồm: Nhà diện tích $53,95\text{m}^2$ và gác: $34,86\text{m}^2$ (Bà M có ký

Biên bản). Theo bản đồ hiện trạng vị trí ngày 24/8/2009 thể hiện khu đất 142,8m² thuộc một phần thửa 44 và đường (47m²) có vị trí: Hẻm.

Ngày 16/9/2009 và 30/8/2011, Hội đồng hợp xét nguồn gốc đất hợp và kết luận: Phần diện tích 95,8m² thuộc một phần thửa 176 tờ bản đồ số 8 tài liệu 02 (thuộc một phần thửa 44 tờ bản đồ 32 tài liệu 2003) đã được UBND Quận 9 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3072/04 ngày 09/7/2004 cho bà M sử dụng cho đến nay. Phần diện tích 7m² bà M đã chuyển nhượng giấy tay cho bà Ng sử dụng. Phần diện tích 47m² trên bản đồ 2003 thể hiện là đất đường (Tài liệu 02 thuộc một phần thửa 176 tờ bản đồ số 8) có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị Ma1 quản lý sử dụng. Năm 2000 bà M1 mất để lại cho bà M tiếp tục sử dụng cho đến nay. Hiện trạng là đường đi. Thời điểm xây dựng: Theo giấy chứng nhận. Ngày 31/12/2015, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 1382/QĐ-UBND về việc hỗ trợ không nhận nền tái định cư tự lo nơi ở mới của hộ bà M.

- Về bồi thường, hỗ trợ về đất: Căn cứ mục I, phần IV của Phương án số 6/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 của Hội đồng bồi thường dự án (Phương án số 6), có nội dung: Đơn giá bồi thường đất ở có vị trí hẻm đất cấp 1, vị trí 2 không mặt tiền đường XLHN đoạn từ cầu RC đến ngã tư TĐ, được bồi thường theo đơn giá 7.200.000 đồng. Theo quy định trên, nhà đất của bà M có vị trí hẻm đất cấp 1, vị trí 2 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở với diện tích đất ở là 102,8m² (nằm trong lộ giới được công nhận). Trong phần diện tích 102,8m² đã được cấp giấy chứng nhận, bà M đã chuyển nhượng bằng giấy tay cho bà Nga diện tích 7m². Như vậy, diện tích thực tế sử dụng của bà M là 95,8m². Do đó, UBND Quận 9 đã chiết tính bồi thường cho bà M 95,8m² theo đơn giá 7.200.000 đồng/m² là đúng quy định.

- Về vật kiến trúc: Phần diện tích 95,8m² đã được UBND Quận 9 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3072/04 ngày 09/7/2004. Căn cứ điểm a, khoản 2, mục 1 phần VII của Phương án số 6, có nội dung: Nhà ở, công trình xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất ở theo quy định tại mục II phần III của phương án này được tính bồi thường, hỗ trợ như sau: Thời điểm xây dựng trước ngày 01/7/2004, tại thời điểm xây dựng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền công bố hoặc, thời điểm xây dựng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền công bố, không vi phạm hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật: Tính bồi thường bằng 100% đơn giá quy định tại điểm d khoản 2 mục I phần III của Phương án này. Phần diện tích xây dựng của hộ bà M đã được công nhận quyền sở hữu nhà ở ngày 09/7/2004. Do đó, bà M được tính bồi thường bằng 100% đơn giá quy định tại điểm d khoản 2 mục I phần III của Phương án.

- Về tái định cư: Tại điểm a khoản 1 mục III Phần IX Phương án số 6, có nội dung: Hộ gia đình cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn phường (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu tái định cư. Trường hợp bà M bị giải tỏa trắng nhà ở đất ở. Do đó, đủ điều kiện tái định cư là đúng quy định.

- Việc bà M yêu cầu bồi thường thiệt hại do tổn thất về sức khỏe số tiền 65.000.000 đồng: Qua đối chiếu chính sách về bồi thường, hỗ trợ tại Phương án số 6 thì không quy định chính bồi thường thiệt hại do tổn thất về sức khỏe. Do đó, yêu cầu bồi thường thiệt hại do tổn thất về sức khỏe là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Từ những cơ sở trên, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 1940 và Quyết định số 259 là đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản trình bày:

- Đối với yêu cầu bồi thường đất ở 95,8m² theo đơn giá 20.000.000 đồng/m²: Nhà đất của bà M có vị trí hẻm đất cấp 1, vị trí 2 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở với diện tích đất ở là 102,8m² (nằm trong lộ giới được công nhận), trong phần diện tích 102,8m² đã được cấp giấy chứng nhận, bà M đã chuyển nhượng bằng giấy tay cho bà Ng 7m². Như vậy, diện tích thực tế sử dụng của bà M là 95,8m². Căn cứ mục I phần IV của Phương án số 6 thì UBND Quận 9 bồi thường cho bà M phần diện tích 95,8m² theo đơn giá 7.200.000 đồng/m² là đúng quy định.

- Đối với yêu cầu bồi thường phần diện tích đất 47m²: Theo tài liệu đo đạc năm 2003 thì 47m² là đất đường. Tài liệu 02 thuộc một phần thửa 176 tờ bản đồ số 8) có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị M1 quản lý sử dụng. Năm 2000 bà M1 chết để lại cho bà M tiếp tục sử dụng cho đến nay. Hiện trạng là đường đi. Do đó, UBND Quận 9 không bồi thường, hỗ trợ cho bà M đối với phần diện tích 47m² là đúng quy định pháp luật.

- Việc bà M yêu cầu bồi thường thiệt hại do tổn thất về sức khỏe số tiền 65.000.000 đồng là không có cơ sở xem xét do Phương án số 6 không quy định bồi thường thiệt hại do tổn thất về sức khỏe.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Phú S, bà Nguyễn Thái Kim H, bà Nguyễn Thị Diễm Tr trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 379/2018/HC-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 146, khoản 1 Điều 158, Điều 187, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 47 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M về hủy Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 26/9/2012 của Chủ tịch UBND Quận 9 và Quyết định số 5909/QĐ-UBND ngày 19/11/2012 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Chủ tịch UBND dân Quận 9 phải bồi thường thiệt hại do tổn thất về sức khỏe số tiền là 139.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Tuyết M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/4/2019, người khởi kiện, bà Nguyễn Thị Tuyết M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà M giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Yêu cầu hủy Quyết định số 259/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Quận 9 và Quyết định số 5909/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bà M trình bày: Diện tích 47m² thuộc quyền sử dụng của bà M, nằm trong diện tích 1.315m² thửa 176 do bà M1 (mẹ bà M) đăng ký sử dụng, được Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận tại Công văn số 9502/VPĐK-KTĐC ngày 10/12/2015. Khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà M có yêu cầu cấp cả diện tích 47m² này nhưng không được chấp nhận nhưng hiện tại, bà M vẫn đang quản lý phần đất này. Trong trường hợp này phải xác định là tranh chấp lối đi qua bất động sản liền kề, không phải là lối đi công cộng. Vì vậy, cần xem xét, thu thập chứng cứ xác định diện tích 47m² có phải là lối đi công cộng hay không? Ngoài ra, nhà bà M là 2 tầng nhưng chỉ đền bù nhà trệt có gác gỗ, đơn giá bồi thường cũng không đúng. Vì vậy, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 259/QĐ-UBND và Quyết định số 5909/QĐ-UBND.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện trình bày: Quyết định số 259/QĐ-UBND được ban hành đúng pháp luật. Việc bồi thường, hỗ trợ cho bà M là đúng quy định về diện tích, loại nhà và đơn giá nên Chủ tịch UBND Quận 9 không chấp nhận yêu cầu của bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Căn cứ hồ sơ pháp lý, bản đồ hiện trạng khu đất có cơ sở xác định đất của bà M là hẻm 1, vị trí 2, nhà có gác gỗ, không phải nhà 2 tầng. Vì vậy, việc bồi thường, hỗ trợ là đúng pháp luật. Diện tích 47m² là lối đi chung do trước đây, bà M1 mở lối đi chung để bán phần đất phía trong. Khi bà M1 chết thì bà M tiếp tục sử dụng nhưng cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 47m² này, chỉ được cấp giấy đối với 102,8m² nhưng bà M cũng không khiếu nại. Vì vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp trường hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 3 Điều 32, Điều 116 của Luật tố tụng hành chính năm 2015. Bà M kháng cáo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, bà M yêu cầu hủy Quyết định số 259/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Quận 9 và Quyết định số 5909/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh

[1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành: Quyết định số 259/QĐ-UBND và Quyết định số 5909/QĐ-UBND là đúng quy định tại khoản 1 Điều 18 và khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở ngày 09/7/2004, đối với diện tích 102,8m², thuộc thửa một phần thửa 44, tờ bản đồ số 32, phường PL A, Quận 9. Theo bản đồ hiện trạng vị trí ngày 24/8/2009 thì nhà đất của bà M có thuộc hẻm cấp 1, vị trí 2. Quá trình sử dụng đất, bà M đã chuyển nhượng 7m² cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ng nên diện tích đất thực tế còn lại là 95,8m². Tại mục I, phần IV Phương án số 6 ban hành kèm theo Quyết định số 607/UBND-ĐTMT ngày 04/02/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh quy định: Đất có vị trí hẻm cấp 1, vị trí 2 không mặt tiền đường XLHN (đoạn từ cầu Rạch Chiếc đến ngã tư Thủ Đức) được bồi thường 7.200.000 đồng/m². Như vậy, bà M được bồi thường 7.200.000 đồng/m² đối với diện tích 95,8m² bị thu hồi là đúng pháp luật.

[2.2] Hồ sơ vụ án thể hiện: Diện tích 47m² do bà M1 (mẹ bà M) mở lối đi để chuyển nhượng đất cho các hộ phía sau. Sau khi bà M1 chết thì năm 2004, bà M làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chỉ được công nhận diện tích 102,8m², diện tích 47m² không nằm trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở do UBND Quận 9 cấp cho bà M ngày 09/7/2004. Tài liệu đo đạc năm 2003 thể hiện 47m² thuộc một phần thửa 176, tờ bản đồ số 8 là đường đất. Do vậy, UBND Quận 9 không bồi thường phần đất này cho bà M là có căn cứ.

[2.3] Tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở ngày 09/7/2004, thể hiện nhà bà M có kết cấu tường gạch, gác gỗ. Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản, hoa màu ngày 11/3/2009 (được bà M ký tên xác nhận) cũng thể hiện: Căn nhà của bà M có diện tích 53,95m² và gác có diện tích 34,86m². Việc bà M cho rằng căn nhà 02 tầng là không có căn cứ. UBND Quận 9 bồi thường 100% căn nhà hiện trạng là đúng quy định tại điểm d, khoản 2, mục I, phần III Phương án số 6.

[3] Bà M cho rằng, quá trình sử dụng đất, bà M1 đã đăng ký đất đai theo đúng quy định pháp luật, được Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận nên diện tích 47m² đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, trường hợp thu hồi thì nhà nước phải bồi thường theo quy định. Tuy nhiên, tại mục 2.2 Công văn số 9502/VPĐK-KTĐC ngày 10/12/2015 của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung: Theo Sổ mục kê đất tài liệu 02/CT-UB ghi nhận bà Nguyễn Thị Mai sử dụng 1.315m², thửa 176. Như vậy, việc sử dụng đất của bà M chỉ được ghi nhận trong sổ mục kê, không phải sổ đăng ký đất đai nên nội dung trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M không có cơ sở chấp nhận.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà M là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, bác kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bà M được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 30, 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 7, 18, 19 Nghị định số 197/2004-NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 18 và khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 47 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết M.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 379/2019/HCST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M về hủy Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 26/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 và Quyết định số 5909/QĐ-UBND ngày 19/11/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 phải bồi thường thiệt hại do tổ thất về sức khỏe số tiền là 139.000.000 đồng.
5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết M được miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm và được trả lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0047935 ngày 16/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 18 tháng 10 năm 2019)./.

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Huỳnh Thanh Duyên Vũ Ngọc Huỳnh

Phan Đức Phương